

ĐỀ THI HẾT HỌC PHẦN K44
MÔN LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Câu 1 (3,5 điểm): Phân tích khái niệm hình thức cấu trúc nhà nước. Trình bày mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay.

Câu 2 (3 điểm): Phân tích tính chủ quan và tính khách quan của pháp luật. Theo anh (chị), làm thế nào để ngăn ngừa hiện tượng duy ý chí trong xây dựng pháp luật?

Câu 3 (3,5 điểm): Phân tích khái niệm văn bản quy phạm pháp luật, cho ví dụ. Trình bày ưu thế của văn bản quy phạm pháp luật so với các loại nguồn khác của pháp luật.

ĐÁP ÁN

CÂU	YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1: 3,5đ	- Nêu được định nghĩa hình thức cấu trúc nhà nước	0,5
	- Phân tích được bản chất của hình thức cấu trúc nhà nước: mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương; dựa vào yếu tố này phân chia 2 loại cấu trúc nhà nước cơ bản.	0,5
	- Nêu và phân tích được cấu trúc đơn nhất: chủ quyền quốc gia do chính quyền trung ương nắm giữ, địa phương không có chủ quyền; quan hệ giữa trung ương với địa phương là quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới; 1 hệ thống chính quyền, 1 hệ thống pháp luật. Lưu ý yếu tố liên bang trong NNĐN.	1,0
	- Nêu và phân tích được cấu trúc liên bang: chủ quyền quốc gia vừa do chính quyền trung ương, vừa do chính quyền các thành viên LB nắm giữ; quan hệ giữa CQLB với CQ thành viên LB không phải là quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới, nếu xảy ra tranh chấp được giải quyết bằng con đường tòa án; nhiều hệ thống chính quyền, nhiều hệ thống pháp luật. Lưu ý yếu tố đơn nhất trong NNLB.	1,0
	- Nêu và phân tích được quan hệ giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay: trung ương tập quyền; địa phương phụ thuộc vào trung ương; thực hiện việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền.	0,5
	- Nêu được định nghĩa pháp luật	0,5
	- Giải thích được tính chủ quan của pháp luật: do con người (nhà nước) tạo ra, thể hiện ý chí của con người, phục vụ nhu cầu, mục đích của người tạo ra nó.	0,5
		0,5

Câu 2: 3đ	- Biểu hiện của tính chủ quan của pháp luật: hình thức của PL; nội dung của PL (PL qui định về cái gì, qui định như thế nào) đều thể hiện ý chí nhà nước.	
	- Giải thích tính khách quan của pháp luật: PL sinh ra để điều chỉnh QHXXH, cho nên pháp luật phải phù hợp với thực tiễn, nếu không nó không thể điều chỉnh được. Chính vì vậy, pháp luật không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của nhà nước, mà còn phụ thuộc vào điều kiện khách quan của xã hội; nội dung ý chí nhà nước bị qui định bởi điều kiện thực tiễn của xã hội, không thể thoát ra khỏi đời sống hiện thực.	0,5
	- Biểu hiện tính khách quan của pháp luật: pháp luật sinh ra từ đời sống; phụ thuộc vào đời sống, đi sau đời sống, phản ánh đời sống hiện thực; nội dung của pháp luật do điều kiện thực tiễn qui định, khi đời sống thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của pháp luật.	0,5
Câu 3: 3,5đ	- Khẳng định: hiện tượng duy ý chí trong xây dựng pháp luật (sự áp đặt ý chí chủ quan của nhà làm luật) làm cho pháp luật không phù hợp thực tiễn, không đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn, tác động tiêu cực đến đời sống.	0,5
	- Biện pháp: nghiên cứu toàn diện, sâu sắc thực tiễn; tham khảo kinh nghiệm của lịch sử dân tộc, của các nước; dựa vào thành tựu khoa học; đảm bảo dân chủ, công khai, có cơ chế trưng cầu ý dân, cơ chế góp ý, phản biện, giải trình; đảm bảo đồng thuận xã hội; coi trọng văn bản luật, hạn chế văn bản dưới luật, nhất là văn bản do cá nhân nhà chức trách ban hành...	
	- Nêu được định nghĩa văn bản qui phạm pháp luật, cho ví dụ đúng	0,5
	- Nêu và phân tích được các đặc điểm của văn bản qui phạm pháp luật: + Do chủ thể có thẩm quyền ban hành + Chứa đựng qui tắc xử sự chung + Được thực hiện nhiều lần + Tên gọi, nội dung, hình thức, thủ tục ban hành do pháp luật qui định	0,75 0,75 0,25 0,25
	- Ưu thế của VBQPPL so với các nguồn pháp luật khác: + Kể tên được các nguồn khác của pháp luật: TQP, TLP... + Nêu và phân tích được ưu thế của VBQPPL so với các nguồn pháp luật khác: • Đảm bảo tính xác định về hình thức của pháp luật một cách đầy đủ nhất: Có tên gọi cụ thể; thể hiện thành từng điều, khoản, trong đó xác định rõ đối tượng, phạm vi điều chỉnh, cách xử sự	1

	cho chủ thể và hậu quả mà họ phải gánh chịu nếu làm trái điều đó; lời văn rõ ràng, chính xác, đảm bảo nhận thức và thực hiện thống nhất; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. ● Có khả năng bao quát khá rộng lớn đối tượng điều chỉnh trong một văn bản. ● Được xây dựng theo một qui trình chặt chẽ, đảm bảo tính khoa học; dễ chỉnh sửa, bổ sung... ● Dễ truyền bá, dễ tiếp cận, dễ thực hiện.	
--	--	--

ĐỀ THI HẾT HỌC PHẦN K44
MÔN LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Câu 1 (3,5 điểm): Phân tích khái niệm cơ quan nhà nước. Phân biệt cơ quan nhà nước với bộ phận khác của nhà nước.

Câu 2 (3 điểm): Tại sao cần phải kết hợp giữa pháp luật với các công cụ khác trong điều chỉnh quan hệ xã hội?

Câu 3 (3,5 điểm): Phân tích ý nghĩa của từng yếu tố trong cấu thành vi phạm pháp luật đối với việc truy cứu trách nhiệm pháp lý.

ĐÁP ÁN

CÂU	YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1: 3,5đ	Nêu được định nghĩa cơ quan nhà nước, cho ví dụ đúng	0,5
	Nêu và phân tích các đặc điểm của cơ quan nhà nước:	
	- Là bộ phận cơ bản, then chốt của nhà nước, có biên chế xác định,	0,5
	- Do nhà nước thành lập, tổ chức và hoạt động theo qui định của pháp luật,	0,5
	- Được nhà nước trao cho quyền năng nhất định, có thẩm quyền độc lập, tự chịu trách nhiệm,	0,5
	- Nhân danh nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước.	0,5
	Phân biệt cơ quan nhà nước với bộ phận khác của nhà nước:	1,0
	- Cho ví dụ đúng về bộ phận khác của nhà nước (bộ phận tham mưu, giúp việc cơ quan nhà nước; các đơn vị sự nghiệp công lập...).	
	- Dựa vào đặc điểm của cơ quan nhà nước để phân biệt, trong đó chú trọng: (i) cơ quan nhà nước là bộ phận cơ bản, then chốt của nhà nước; (ii) cơ quan nhà nước nhân danh nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước.	
	- Nêu được định nghĩa điều chỉnh quan hệ xã hội, định nghĩa pháp luật, kể tên được các công cụ khác để điều chỉnh QHXX: ĐĐ, PTTQ, TĐTG...	1
	- Nêu và phân tích được các lý do:	0,75
	+ Tính chất đa dạng, phức tạp, đan xen chằng chịt của QHXX; nhiều trường hợp, chủ thể tham gia vào quan hệ xã hội với nhiều	

Câu 2: 3đ	vai trò khác nhau, khi đó QHXX cần được sự điều chỉnh của nhiều công cụ khác nhau. + Tính không tuyệt đối của pháp luật và các công cụ điều chỉnh khác: mỗi công cụ vừa có ưu điểm, vừa có hạn chế; mỗi công cụ có sự phù hợp với những QHXX nhất định. + Cơ sở của sự kết hợp: đạo đức là gốc của pháp luật và các công cụ khác; pháp luật là chuẩn của đạo đức và các công cụ khác. Khi kết hợp, chúng phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế của nhau, hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo ra sự điều chỉnh mạnh mẽ nhất đối với QHXX.	0,75 0,5
Câu 3: 3,5đ	- Định nghĩa truy cứu TNPL	0,5
	- Nêu khái quát các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật	0,5
	- Nêu và phân tích ý nghĩa của các yếu tố trong mặt khách quan: + Hành vi trái pháp luật: Không được truy cứu TNPL nếu không có hành vi trái pháp luật; cách thức thực hiện hành vi là căn cứ để áp dụng biện pháp cưỡng chế cho phù hợp; trong một số trường hợp là căn cứ để xác định TNPL cụ thể cần truy cứu. + Hậu quả: Để áp dụng biện pháp cưỡng chế cho phù hợp; một số trường hợp, là căn cứ để xác định loại TNPL cần truy cứu. + Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả là căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý đúng chủ thể đã gây ra hậu quả. + Thời gian, địa điểm, công cụ phương tiện: Để áp dụng biện pháp cưỡng chế cho phù hợp.	0,75
	- Nêu và phân tích ý nghĩa của các yếu tố trong mặt chủ quan + Lỗi: Không được truy cứu TNPL đối với hành vi không có lỗi; nhiều trường hợp, hình thức lỗi là căn cứ để xác định trách nhiệm pháp lý cụ thể cần truy cứu; hình thức lỗi cũng là căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế cho phù hợp... + Động cơ, mục đích: Để áp dụng biện pháp cưỡng chế cho phù hợp.	0,75

	- Nêu và phân tích ý nghĩa của chủ thể: + Độ tuổi (ở thời điểm thực hiện hành vi): Nếu chưa đủ tuổi chịu TNPL thì không được tiến hành truy cứu TNPL, nếu đang truy cứu phải hủy bỏ. + Khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: ● Ở thời điểm thực hiện hành vi: Nếu chủ thể không có khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì không được truy cứu, nếu đang truy cứu phải hủy bỏ. ● Ở thời điểm truy cứu TNPL: Nếu chủ thể không có khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, việc truy cứu có thể phải tạm dừng hoặc hủy bỏ. + Nhân thân chủ thể: là căn cứ để lựa chọn biện pháp cưỡng chế cho phù hợp...	0,5
	- Nêu và phân tích ý nghĩa của khách thể: chỉ truy cứu TNPL đối với hành vi xâm hại những QHXX được pháp luật bảo vệ; nhiều trường hợp, khách thể là căn cứ để xác định loại TNPL cần truy cứu...	0,5

ĐỀ THI HẾT HỌC PHẦN LỚP CLC K44
MÔN LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Câu 1 (3,0 điểm): Trình bày sự hiểu biết của anh (chị) về nhà nước dân chủ. Theo anh (chị), làm thế nào để một nhà nước dân chủ thực sự và rộng rãi?

Câu 2 (3,5 điểm): Phân tích ý nghĩa của từng bộ phận trong cơ cấu của qui phạm pháp luật. Tại sao trên thực tế, bộ phận chế tài thường không cố định?

Câu 3 (3,5 điểm): Phân tích khái niệm quan hệ pháp luật, cho ví dụ về một quan hệ pháp luật cụ thể mà anh (chị) tham gia hàng ngày. Việc một quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh có ý nghĩa gì đối với sự vận động và phát triển của nó?

ĐÁP ÁN

CÂU	YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1: 3đ	- Nêu được cách hiểu về nhà nước dân chủ: là nhà nước dân là chủ và dân làm chủ	0,5
	- Nêu và phân tích được các biểu hiện của nhà nước dân chủ:	0,5
	+ Nhân dân thành lập nên nhà nước thông qua bầu cử; nhà nước là đại diện của nhân dân, nhận quyền lực từ nhân dân, theo sự ủy quyền của nhân dân.	0,5
	+ Nhân dân tham gia làm việc trong bộ máy nhà nước; phản biện, góp ý cho nhà nước; kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà nước, miễn nhiệm, bãi nhiệm những người do nhân dân bầu ra nhưng không còn tín nhiệm đối với họ...	0,25
	+ Các quyền tự do nhân chủ của nhân dân được thừa nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ.	0,25
	+ Những vấn đề quan trọng của đất nước phải do nhân dân trực tiếp quyết định, khi đó nhà nước phải phục tùng quyết định của nhân dân.	0,5
	+ Nhà nước là người phục vụ nhân dân.	
	- Nêu và phân tích được các biện pháp để làm cho nhà nước dân chủ thực sự và rộng rãi: công khai hóa; có cơ chế giải trình và xác định trách nhiệm của người thực thi công quyền; tự do ngôn luận; tự do bầu cử, ứng cử; thực hiện trung cầu ý dân...	0,5
	- Nêu được định nghĩa qui phạm pháp luật, kể tên được các bộ phận của quy phạm pháp luật.	0,5

Câu 2: 3,5	- Nêu được định nghĩa, trình bày được nội dung bộ phận giả định. - Nêu và phân tích được ý nghĩa của bộ phận giả định: là tiền đề của các bộ phận khác trong QPPL, không có bộ phận giả định, QPPL trở nên vô hướng; bộ phận giả định không toàn diện sẽ dẫn tới bỏ lọt đối tượng điều chỉnh...	0,25 0,5
	- Nêu được định nghĩa, trình bày được nội dung bộ phận qui định. - Nêu và phân tích được ý nghĩa của bộ phận qui định: là trung tâm của quy phạm; không có bộ phận qui định, qui phạm pháp luật không tồn tại; bộ phận qui định không rõ ràng sẽ khó thực hiện hoặc dễ bị lợi dụng, “lách luật”...	0,25 0,5
	- Nêu được định nghĩa, trình bày được nội dung bộ phận chế tài. - Nêu và phân tích được ý nghĩa của bộ phận chế tài: là phần bảo đảm cho bộ phận quy định của quy phạm được thực hiện nghiêm chỉnh; chế tài quá nhẹ sẽ không có tác dụng, thậm chí có thể dẫn đến hiện tượng nhờn pháp luật; chế tài quá nặng làm cho pháp luật trở thành hà khắc, có thể dẫn đến hiện tượng chống đối...	0,25 0,5
	- Giải thích được lý do bộ phận chế tài thường không cố định: hành vi vi phạm vô cùng đa dạng, phong phú, phức tạp, vì vậy rất khó có thể cố định hóa bộ phận chế tài; việc thể hiện bộ phận chế tài không cố định đảm bảo tính linh hoạt, công bằng trong áp dụng pháp luật...	0,75
	- Định nghĩa được quan hệ pháp luật,	0,5
	- Cho ví dụ đúng	0,5
	- Nêu và phân tích được đặc điểm: Quan hệ pháp luật là QHXX có ý chí (ý chí là yếu tố nổi bật chi phối hành vi các chủ thể): + Ý chí nhà nước:	0,5 0,5

Câu 3: 3,5đ	+ Ý chí chủ thể QHPL:	
	- Nêu và phân tích được đặc điểm: Trong quan hệ pháp luật, các bên chủ thể có quyền, nghĩa vụ pháp lý:	0,5
	+ Quyền, nghĩa vụ do pháp luật qui định hoặc do các chủ thể tự xác định nhưng được nhà nước thừa nhận (không trái pháp luật và đạo đức xã hội); + Được nhà nước bảo đảm thực hiện.	0,5
	- Nêu và phân tích được được ý nghĩa của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với sự vận động và phát triển của quan hệ xã hội: + Đối với QHXXH có ích cho xã hội: được nhà nước và xã hội nâng đỡ, bảo đảm, bảo vệ, tạo điều kiện phát triển... + Đối với QHXXH có hại cho xã hội: bị nhà nước và xã hội ngăn chặn, giảm thiểu, tiến tới xóa bỏ khỏi đời sống xã hội...	0,5